***Tuần****: …….* ***PPCT****:…….* ***Ngày soạn****: ……………………*

**BÀI 25: PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN Ở BẮC TRUNG BỘ**

# I. MỤC TIÊU

## 1. Về kiến thức

- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.

- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của vùng.

- Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của vùng.

## - Sử dụng được atlat địa lí Việt Nam, bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và hạn chế của vùng.

## 2. Về năng lực

## - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

## - Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí của vùng Bắc Trung Bộ trên bản đồ.

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được các sự vật, hiện tượng; sự phân bố, đặc điểm, quá trình phát triển về kinh tế – xã hội ở Bắc Trung Bộ.

- Sử dụng các công cụ địa lí học: Tìm kiếm, chọn lọc được ông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; sử dụng được tranh, ảnh địa lí để miêu tả những hiện tượng, quá trình địa lí.

- Khai thác Internet phục vụ môn học: Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn.

- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về kinh tế - xã hội của Bắc Trung Bộ.

## 3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Trung thực: trung thực trong học tập.

# - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

## 1. Giáo viên

- Bản đồ tự nhiên, bản đồ kinh tế vùng Bắc Trung Bộ

- Atlat địa lí Việt Nam

- Tranh ảnh các nét đặc trưng của vùng.

**2. Học sinh**

- Atlat địa lí Việt Nam

- SGK, đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động (3-5 phút)**

# 1. Mục tiêu

Kết nối bài học, khơi gợi sự hứng thú, tính tò mò để học sinh học tập tích cực, sáng tạo hơn.

## 2. Nội dung

HS quan sát video và trả lời câu hỏi.

## **3**. Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh

## 4. Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu video, sau đó yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi: Thế mạnh của vùng Bắc Trung Bộ được nhắc đến trong video là gì? Việc khai thác thế mạnh đó đem lại hiệu quả gì cho sự phát triển kinh tế xã hội của vùng?

Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=I5L8ZfEG7gY>

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát video để đưa ra câu trả lời.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS khác trả lời.

**\* Kết luận, nhận định:** GV chuẩn kiến thức, sau đó dẫn dắt vào bài 25: *“Bắc Trung Bộ có thế mạnh toàn diện để phát triển nông lâm thủy sản. Việc hình thành và phát triển nông lâm thủy sản có ý nghĩa quan trọng đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế. Bắc Trung Bộ có thế mạnh gì để hình thành và phát triển nông lâm thủy sản? Nông lâm thủy sản có đặc điểm nổi bật gì?”* chúng ta sẽ cùng tìm hiểu ở bài học hôm nay.

# Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái quát vùng Bắc Trung Bộ.

**1. Mục tiêu**

Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.

**2. Nội dung**

Học sinh đọc SGK và hiểu biết của bản thân để hoàn thành phiếu học tập số 1.

**3. Sản phẩm**

Sản phẩm trên phiếu học tập của học sinh

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phát phiếu học tập số 1, yêu cầu 2 bạn ngồi cạnh nhau sẽ cũng đọc sách giáo khoa, quan sát hình 23.1 thảo luận và hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 1** |
| **1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**  - Kể tên 6 tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ:………………………………  - Diện tích: ……………………………….  - Vị trí tiếp giáp: ………………………………………………………  - Đánh giá về ý nghĩa của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng:……….  ………………………………………………………………………………………………  **2. Dân số**  - Năm 2021, dân số vùng là …………………., tỉ lệ gia tăng tự nhiên ………………….  - Mật độ dân số trung bình là ……………….., phân bố chủ yếu ở ………………………  - Tỷ lệ dân thành thị ………………………………..  - Thành phần dân tộc: ……………………………………. |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hai bạn ngồi cạnh nhau sẽ cùng trao đổi, thảo luận để hoàn thành phiếu học tập trong thời gian là 2 phút.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV mời 1 căp đôi lên trình bày trên bản đồ hình 23.1, các cặp đôi khác nhận xét bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, sau đó mở rộng thêm một số kiến thức liên quan.

### Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

**1. Mục tiêu**

- Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở vùng Bắc Trung Bộ.

**2. Nội dung**

Dựa vào thông tin mục II và hình 25.1, hãy: Phân tích thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông lâm thủy sản ở vùng Bắc Trung Bộ.

**3. Sản phẩm**

Câu trả lời trên phiếu học tập của học sinh

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 2 cụm, mỗi cụm có 3 nhóm theo sơ đồ sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  | Nhiệm vụ: Hoàn thành sơ đồ sau trong thời gian 7 phút: |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong thời gian 7 phút.

**\* Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV cho các nhóm trao đổi sản phẩm nhóm trong từng cụm:

+ Cụm 1: Nhóm 1 đưa sản phẩm cho nhóm 2, nhóm 2 đưa sản phẩm cho nhóm 3, nhóm 3 đưa sản phẩm cho nhóm 1.

+ Cụm 2: Nhóm 4 đưa sản phẩm cho nhóm 5, nhóm 5 đưa sản phẩm cho nhóm 6, nhóm 6 đưa sản phẩm cho nhóm 4.

Trong 2 phút các nhóm sẽ bổ sung, hoàn thiện đánh giá và cho điểm sản phẩm của nhóm bạn theo các tiêu chí mà giáo viên đã đưa ra. Sau đó GV chọn sản phẩm tốt nhất của 1 nhóm, đại diện nhóm lên trình bày, cho các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của học sinh.

+ GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

### Hoạt động 2.3. Tìm hiểu một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp.

**1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp của vùng.

**2. Nội dung**

Dựa vào nội dung mục 1 và hình 25.2, hãy trình bày một số đặc điểm nổi bật về ngành nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ.

**3. Sản phẩm**

Phiếu học tập của học sinh

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm cùng đọc nội dung mục 1 và hình 25.2, hãy trình bày một số đặc điểm nổi bật về ngành nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ theo phiếu học tập sau:

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 | |
| - Vai trò: …………………………………………………………………………………..  - Hướng phát triển: ……………………………………………………………………….. | |
| Trồng trọt | **Chăn nuôi** |
| - Cây lương thực: ……………………  - Cây công nghiệp hằng năm: ………  - Cây công nghiệp lâu năm: ………… | - Tình hình phát triển: ……………..  - Chăn nuôi trâu bò: ………………..  - Chăn nuôi lợn gà: …………………. |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài

### A map of the country Description automatically generatedHoạt động 2.4. Tìm hiểu về phát triển dịch vụ

**1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về lâm nghiệp và thủy sản của vùng.

**2. Nội dung**

Dựa vào nội dung mục 2,3 và hình 25.2, hãy trình bày một số đặc điểm nổi bật về lâm nghiệp và thủy sản của vùng Bắc Trung Bộ.

**3. Sản phẩm**

Câu trả lời của học sinh trong phiếu học tập

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, và giao nhiệm vụ như sau:

+ Nhóm 1,3: Dựa vào nội dung mục 2 và hình 25.2, hãy trình bày một số đặc điểm nổi bật về lâm nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ.

+ Nhóm 2,4: Dựa vào nội dung mục 3 và hình 25.2, hãy trình bày một số đặc điểm nổi bật về thủy sản của vùng Bắc Trung Bộ.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**\* Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV cho các nhóm trao đổi sản phẩm nhóm trong từng cụm:

+ Cụm 1: Nhóm 1 và nhóm 3 trao đổi sản phẩm để sửa chữa và chấm chéo cho nhau.

+ Cụm 2: Nhóm 2 và nhóm 4 trao đổi sản phẩm để sửa chữa và chấm chéo cho nhau.

Trong 2 phút các nhóm sẽ bổ sung, hoàn thiện đánh giá và chấm chéo sản phẩm cho nhau. Sau đó GV chọn sản phẩm tốt nhất của 1 nhóm, đại diện nhóm lên trình bày, cho các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài

# Hoạt động 3: Luyện tập

**1. Mục tiêu**

A screenshot of a video game

Description automatically generatedCủng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**2. Nội dung**

- GV tổ chức trò chơi ngắn, HS tham gia trò chơi để củng cố bài học.

- Trò chơi: Lựa chọn may mắn

**3. Sản phẩm**

- Kết quả câu trả lời của học sinh

**4. Tiến trình hoạt động:**

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phổ biến luật chơi: có 4 con số chứa 4 câu hỏi và 1 con số chứa ô may mắn. HS lựa chọn con số bất kỳ để trả lời câu hỏi. Nếu trả lời đúng, sẽ được thưởng 1 sao, nếu trả lời sai, các HS khác có quyền trả lời. Nếu lựa chọn đúng số may mắn thì sẽ được 10 điểm. Nội dung câu hỏi như sau:

**Câu 1:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thế mạnh đối với việc hình thành và phát triển nông lâm thủy sản ở vùng Bắc Trung Bộ?

A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

B. Diện tích rừng tự nhiên rất nhỏ.

C. Vùng có một số hồ, đầm phá lớn.

D. Vùng có bờ biển dài, vùng biển rộng.

**Câu 2:** Cây công nghiệp hằng năm nổi bật của vùng Bắc Trung Bộ là

A. mía, lạc B. mía, cao su. C. mía, cà phê. D. mía, lúa gạo.

**Câu 3:** Lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ

A. chưa ứng dụng khoa học công nghệ.

B. chỉ đẩy mạnh hoạt động trồng rừng.

C. diện tích rừng trồng ngày càng giảm.

D. sản lượng gỗ khai thác hằng năm tăng.

**Câu 4:** Thủy sản ở Bắc Trung Bộ

A. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

B. sản lượng giảm liên tục.

C. công nghệ khai thác lạc hậu.

D. chỉ phát triển nuôi tôm hùm.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** GV chiếu các con số cho học sinh lựa chọn, HS chọn các con số và trả lời câu hỏi.
* **Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời sai thì HS khác sẽ ra tín hiệu xin trả lời.
* **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, đánh giá và cho điểm.

# Hoạt động 4: Vận dụng/Mở rộng

**1. Mục tiêu**

HS biết tìm kiếm thông tin, sưu tầm hình ảnh, tư liệu về hoạt động của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của một tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ.

**2. Nội dung**

HS thực hiện bài tập ở nhà theo yêu cầu.

**3. Sản phẩm**

- Kết quả câu trả lời của học sinh trong vở bài tập

**4. Tiến trình hoạt động:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm hình ảnh, tư liệu về hoạt động của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của một tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà tìm hiểu.

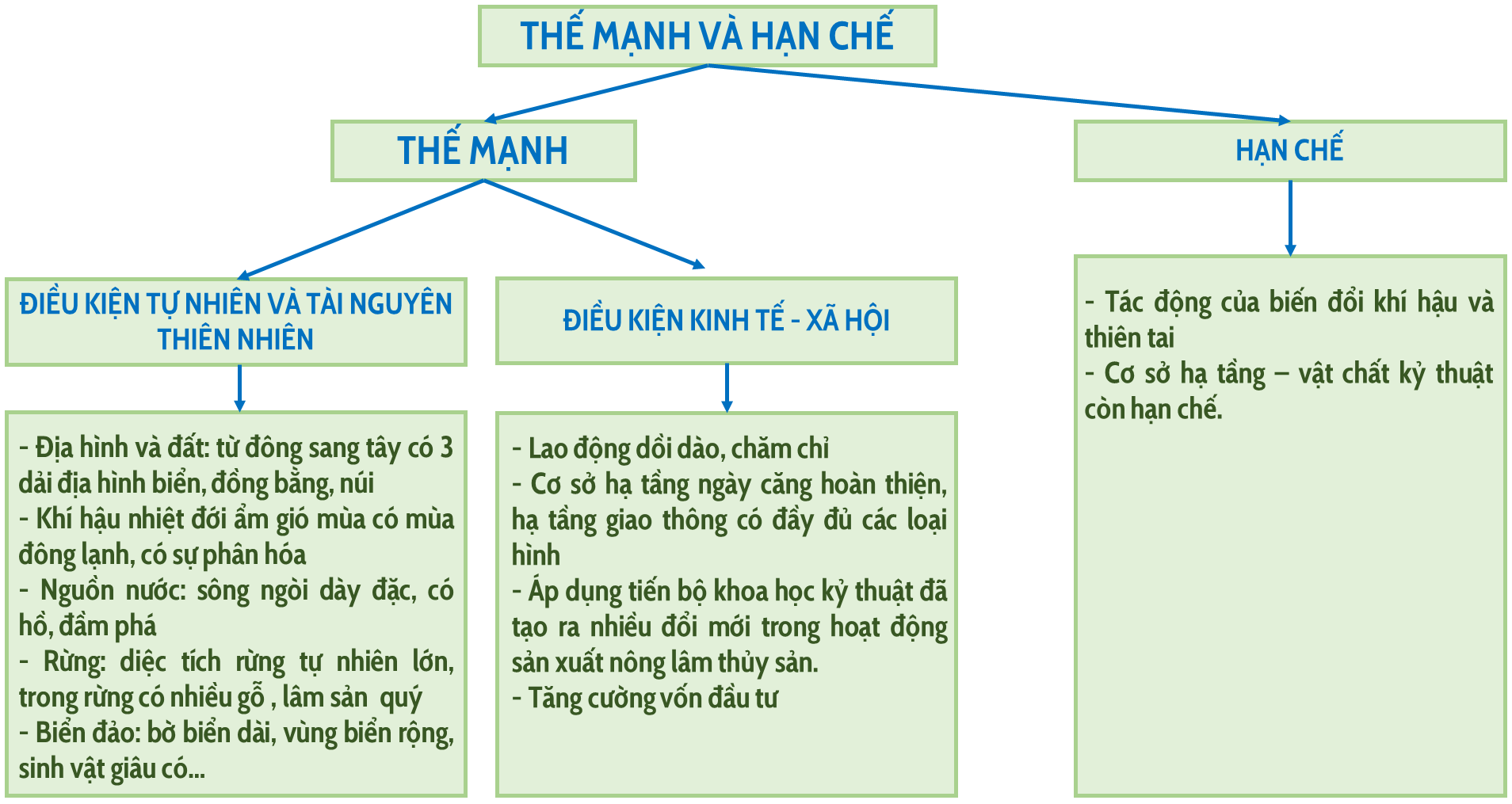
# V. PHỤ LỤC

**1. Nội dung ghi bài**

**\* Khái quát**

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 1** |
| **1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**  - Kể tên 6 tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.  - Diện tích: 51,2 nghìn km2  - Vị trí tiếp giáp: Trung du miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng Sông Hồng, DH nam Trung Bộ, Lào và Biển Đông.  - Đánh giá về ý nghĩa của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng: có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.  Nằm trên trục giao thông huyết mạch và là cửa ngõ thông ra biển của các quốc gia trong ASEAN.  **2. Dân số**  - Năm 2021, dân số vùng là 11 triệu người, tỉ lệ gia tăng tự nhiên 0.93%, tương đươcng mức TB của cả nước.  - Mật độ dân số trung bình là 218 người/km2, phân bố chủ yếu ở đồng bằng và ven biển  - Tỷ lệ dân thành thị khoảng 25,4% năm 2021  - Thành phần dân tộc đa dạng |

**\* Các thế mạnh và hạn chế đối với việc phát triểnnoong lâm thủy sản.**

****

**\* Phát triển nông nghiệp**

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 | |
| - Vai trò: nông nghiệp đóng góp phần lớn giá trị sản xuất của ngành nông lâm thủy sản.  - Hướng phát triển: sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Mô hình sản xuất hữu cơ, cùng với công nghệ gen, lai tạo giống… | |
| Trồng trọt | **Chăn nuôi** |
| - Cây lương thực: tập trung ở đồng bằng ven biển. Hai tỉnh trông lúa nhiều nhất: Thanh Hóa, Nghệ An  - Cây công nghiệp hằng năm: lạc, mía có diện tích khá lớn ở vùng đất cát ven biển  - Cây công nghiệp lâu năm: Cà phê, chè, cao su, hồ tiêu… Một số cây đặc sản như Cam Vinh, Bưởi Phúc Trạch… | - Tình hình phát triển: nhiều mô hình chăn nuôi áp dụng công nghệ cao đã hình thành và đem lại hiệu quả cao  - Chăn nuôi trâu bò: có số lượng đứng thứ 2 cả nước. Nuôi nhiều nhất ở Nghệ An, Thanh Hóa  - Chăn nuôi lợn gà: số lượng tăng nhanh. Được nuôi ở hầu hết các tỉnh. |

**\* Phát triển lâm nghiệp**

**-** Ý nghĩa quan trọng đối với kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nhẹ thiên tai.

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào tất cả các hoạt động của lâm nghiệp. Thành lập khu lâm nghiệp công nghệ cao với các chức năng sản xuất giống cây lâm nghiệp, chế biến gỗ và lâm sản theo mô hình chuỗi sản xuất khép kín.

- Đẩy mạnh cả hoạt động khai thác, chế biến lâm sản và trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng:

+ Khai thác chế biến lâm sản: Sản lượng gỗ tăng liên tục, sản lượng gỗ lớn nhất là Nghệ An. Các hoạt động lâm sản khác như luồng, mây, dược liệu…

+ Trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng: diện tích rừng trồng tăng nhanh, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình có diện tích rừng trồng nhiều nhất. Các vường quốc gia, khu dự trữ sinh quyển của vùng là Pù Mát, Phong Nha Kẻ Bàng, Bạch Mã…

**\* Thủy sản**

- Là ngành được chú trọng trong cơ cấu nông lâm thủy sản

- Sản lượng thủy sản liên tục tăng qua các năm. Sản lượng khai thác lớn hơn nuôi trồng.

- Về khai thác: đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, ứng dụng công nghệ khai thác tiên tiến để truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

- Về nuôi trồng: đối tượng nuôi trồng thủy sản ngày càng đa dạng. Nuôi thủy sản thay đổi sang mô hình nuôi quy mô lớn theo hướng hàng hóa, áp dụng công nghệ vào tất cả các khâu.